

**29/2022 – VIỆT NAM – VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN TỈNH ĐỒNG NAI– LUỒNG SÀI GÒN
– VŨNG TÀU – Độ sâu**

Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam, thông báo số 51/TBHH-TCTBĐATHHMN

Hải đồ ảnh hưởng – VN4SG003 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 17 tháng 03 năm 2022)

Chèn	Độ sâu	16 ₁	10°38'37.06"N	106°48'47.76"E
		15 ₁	10°38'33.98"N	106°48'51.14"E
		7 ₅	10°38'34.04"N	106°48'58.27"E
		1 ₃	10°38'37.10"N	106°48'56.30"E
		7 ₅	10°38'28.47"N	106°48'58.92"E
Xoá	Độ sâu	16 ₄	10°38'36.91"N	106°48'47.76"E
		0 ₄	10°38'36.19"N	106°48'56.56"E
		6 ₆	10°38'32.99"N	106°48'58.88"E
		15 ₇	10°38'34.18"N	106°48'50.98"E
		6 ₆	10°38'30.43"N	106°49'00.68"E
		7 ₃	10°38'28.82"N	106°48'58.95"E

Hải đồ ảnh hưởng – VN3GR001 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 17 tháng 03 năm 2022)

Chèn	Độ sâu	7 ₅	10°38'28.47"N	106°48'58.92"E
Xoá	Độ sâu	7 ₃	10°38'28.82"N	106°48'58.95"E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo Hệ tọa độ WGS 84)

**29/2022 - VIET NAM – DONG NAI SEA PORT WATER – SAI GON – VUNG TAU
CHANNEL – Depth**

Source: Southern Viet Nam Maritime Safety, Notice No.51/TBHH-TCTBĐATHHMN

Chart affected – VN4SG003 (Edition No. 2, updated on March 17th, 2022)

Insert	Depth	16 ₁	10°38'37.06"N	106°48'47.76"E
		15 ₁	10°38'33.98"N	106°48'51.14"E
		7 ₅	10°38'34.04"N	106°48'58.27"E

		<i>1₃</i>	10°38'37.10"N	106°48'56.30"E
		<i>7₅</i>	10°38'28.47"N	106°48'58.92"E
Delete	Depth	<i>16₄</i>	10°38'36.91"N	106°48'47.76"E
		<i>0₄</i>	10°38'36.19"N	106°48'56.56"E
		<i>6₆</i>	10°38'32.99"N	106°48'58.88"E
		<i>15₇</i>	10°38'34.18"N	106°48'50.98"E
		<i>6₆</i>	10°38'30.43"N	106°49'00.68"E
		<i>7₃</i>	10°38'28.82"N	106°48'58.95"E

Chart affected – VN3GR001 (Edition No. 2, updated on March 17th, 2022)

Insert	Depth	<i>7₅</i>	10°38'28.47"N	106°48'58.92"E
Delete	Depth	<i>7₃</i>	10°38'28.82"N	106°48'58.95"E

(All positions are affected to WGS 84 Datum)
